

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hương Huyền

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021; thông báo mở lại phiên tòa số 03/2021/TB –TA ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn L**(Tên gọi khác: Nguyễn Văn P); sinh năm 1994, tại huyện P, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 14, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án: Tại Bản án số 36/2019/HS – ST ngày 28/6/2019 của TAND huyện Phù Ninh xử phạt Nguyễn Văn L 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Hủy hoại tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 15/5/2020, các quyết định khác của bản án đã chấp hành xong.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Năm 2014, Công an huyện Phù Ninh xử phạt hành chính 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác (chưa nộp phạt);

+ Năm 2015 Phòng CSĐTTP về ma túy – Công an tỉnh Phú Thọ xử phạt 1.000.000 đ (một triệu đồng) về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt);

+ Năm 2016 Công an huyện Phù Ninh xử phạt 750.000 đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi Đánh nhau và 3.000.000 đ (ba triệu đồng) về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản (chưa nộp phạt);

+ Năm 2017 Công an huyện Phù Ninh xử phạt 750.000 đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi đánh nhau (chưa nộp phạt)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Lê Thị N (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1973 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH T; học vấn: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Đức K (đã chết); con bà: Bùi Thị M, sinh năm 1947. Hiện già yếu, sống tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chồng: Nguyễn Văn Đ, con: 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Chị Vũ Thị Anh Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964; địa chỉ: Khu 14, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Vũ Thị Anh Đ, sinh năm 1990, thường trú tại khu 6, thị trấn T, huyện T và Lê Thị N, sinh năm 1973, thường trú tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái sống cùng thuê nhà trọ tại khu 9, xã T, huyện L. Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn P), sinh năm 1994, thường trú khu 14, xã P, huyện P có mối quan hệ yêu

đương nam nữ với chị Đ và có mối quan hệ quen biết xã hội với Lê Thị N nhiều năm nên L thường xuyên đến phòng trọ của Đ, N chơi, L biết chị Đ có chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu trắng bạc, phía mặt sau có dán nhãn Model 7265NGW; Inter (R); Core (TM)i5 – [6200u.Cpu@2.3Ghz](#); 2.40 Ghz hay để tại phòng trọ nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/4/2021, L sử dụng điện thoại di động cài sim thuê bao số 0878556655 gọi vào số thuê bao di động cài trong chiếc điện thoại Realme C15 Qualcomm Edition, số Imei 1: 8863373050540894, số Imei 2: 8633733050540886 màu xanh của N, lúc này N đang làm việc tại trạm dừng nghỉ T– trạm dừng nghỉ cao tốc Nội Bài – Lào Cai thuộc địa bàn xã T, huyện L. L bảo N “tối chị về mở cửa phòng trọ cho em lấy máy tính của con Đ đi bán”. N đồng ý, bảo L “Ừ, mà làm gì thì làm đừng để ảnh hưởng đến tao”. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, biết Đ đã đi làm, nên L tiếp tục gọi điện thoại cho N bảo N về mở cửa phòng trọ cho L lấy máy tính của Đ. Khoảng 10 phút sau, N về đến phòng trọ, thấy L đang đứng đợi ở cổng, N mở cổng, mở cửa phòng trọ cho L vào, N lấy chiếc máy tính chị Đ để trên giường ngủ, dây cắm điện màu đen, nhãn hiệu ASUS cho vào túi đựng máy tính bằng vải loại túi có 01 ngăn, có khóa séc, bên ngoài màu xanh, bên trong màu đen, bên ngoài có in chữ Barcelona rồi đưa cho L. L lấy quần áo, giấy tờ trong túi của Đ vút lộn xộn ra giường ngủ, mục đích tạo hiện trường một vụ trộm cắp tài sản. Sau đó, L cầm túi máy tính đi ra khỏi phòng trọ. N lấy 2.700.000 đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) của mình để trong một chiếc phong bì thư cất vào chiếc túi giả da mình đang đeo rồi vút chiếc bì thư trên giường ngủ, mục đích cùng tạo hiện trường một vụ trộm cắp tài sản giả giúp che giấu hành vi của mình và L. Rồi N khóa cửa phòng, khóa cổng nhà trọ tiếp tục đi làm. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, N đi làm về phòng trọ, thấy Đ chưa về nên N gọi điện thoại cho Đ, nói “có trộm vào phòng lục đồ, hình như mất máy tính của em rồi, chị cũng bị mất tiền”. Sáng ngày 06/4/2021, chị Đ đến Công an xã Tiên Kiên trình báo về việc bị mất trộm máy tính vào tối ngày 05/4/2021, Công an xã Tiên Kiên đã thông báo vụ việc đến CQCSĐT CA huyện Lâm Thao để thụ lý, giải quyết.

Trộm cắp được tài sản, L mang đến nhà ở của Trần Văn Kh, sinh năm 1992, thường trú tại khu 8, xã P, huyện P, L nói với K là máy tính của người yêu L, L đi công việc nên gửi K, hôm sau sẽ qua lấy. Khoảng 15 giờ ngày 06/4/2021, L đến nhà K lấy, mang bán chiếc máy tính, dây sạc pin, túi đựng máy tính bán cho Lê Văn H, sinh năm 1985, thường trú tại khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ được 4.000.000 đ (bốn triệu đồng), số tiền có được L đã tiêu xài hết.

Sau khi tiếp nhận nội dung trình báo của chị Đ, CQCSĐT CA huyện Lâm Thao đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc, tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan, ghi lời khai của các đương sự liên quan.

Quá trình làm việc với CQĐT Lê Thị N đã tự thừa nhận hành vi vi phạm của mình, N khai nhận: N và L có mối quan hệ quen biết khoảng 05 năm. Chị Đ là người yêu của L, mới đến ở cùng phòng trọ với N. Do biết L là người ham chơi, lười lao động, thường xuyên cần tiền để tiêu xài, nên khi L gọi điện thoại nhờ N mở cửa phòng trọ để L lấy trộm máy tính của chị Đ mang đi bán mặc dù L không hứa hẹn cho N được hưởng L ích gì nhưng vì muốn L có tiền tiêu xài cá nhân N đã giúp L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Đ, tạo hiện trường giả của vụ trộm cắp, vờ bị mất tiền để đánh lừa Đ và cơ quan chức năng. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 của N cài 02 sim thuê bao là số 0383246182 và 0977829904, do lo sợ bị phát hiện hành vi nên N đã xóa nhiều thông tin cuộc gọi giữa L và N ở cả 02 sim số thuê bao nói trên. Số tiền 2.7000.000 đ N đã chi tiêu hết trước khi đến làm việc tại CQĐT. Lê Thị N đã tự nguyện giao nộp cho CQĐT 01 chiếc điện thoại Realme C15 của N cài 02 sim thuê bao là số 0383246182 và 0977829904 sử dụng liên lạc với L; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 5,9cm, rộng 04cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 4,9cm, rộng 03cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc là chìa khóa và ổ khóa cổng và cửa nhà trọ của N.

Trên cơ sở lời khai của N CQĐT CA huyện Lâm Thao đã triệu tập làm việc với Nguyễn Văn L, tại CQĐT L khai nhận: do cần tiền để tiêu sài cá nhân, biết giờ Đ đi làm không có mặt tại phòng trọ, L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính ASUS của Đ để bán lấy tiền. Để thực hiện ý định, chiều ngày 05/4/2021, L sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy J2 màu trắng bạc, lắp sim thuê bao số 0878556655 của mình gọi điện thoại cho Lê Thị N nhờ N mở cửa để L lấy trộm máy tính của Đ. Sau khi lấy được máy tính, L đem đến cửa hàng của anh Lê Văn H, L nói máy tính của L không dùng nên muốn bán, L cung cấp mật khẩu của máy cho anh H nên anh H tin tưởng, mua lại với giá 4.000.000 đ, số tiền này L một mình tiêu xài hết, L không hứa hẹn cho N hưởng L ích gì. Sáng ngày 06/4/2021, bố đẻ L là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, thường trú khu 14, xã P, huyện P đưa L số tiền 2.700.000 đ nhờ L mua giúp ông T 01 chiếc điện thoại thông minh. L cầm số tiền trên mua cho ông T chiếc điện thoại Realme C20, màu xanh, Imei 1: 867977050698936, Imei 2: 867977050698928 với giá 2.530.000 đ (hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)

tại cửa hàng Điện máy xanh số 02 Đường N, thị trấn P, huyện P. Do chiếc điện thoại Samsung của L rơi, hỏng, cần liên lạc với N để trao đổi về việc đã trộm cắp máy tính của Đ trước đó, nên sau khi mua được chiếc điện thoại trên, L đã tháo sim thuê bao số 0878556655 lắp vào chiếc điện thoại này, còn chiếc điện thoại Samsung L vứt bỏ trên đường đi, L không xác định đã vứt ở đâu. Lo sợ việc trộm cắp tài sản bị phát hiện, L nảy sinh ý định bỏ trốn, tối ngày 06/4/2021, L về nhà, đưa cho ông T hóa đơn mua điện thoại và bảo ông T cho L mượn chiếc điện thoại mới mua để sử dụng vì điện thoại của L bị hỏng, L chuẩn bị đi làm ăn xa nhà, ông T đồng ý. Khi chưa kịp bỏ trốn thì L bị CQĐT triệu tập. Nguyễn Văn L tự nguyện giao nộp cho CQĐT 01 điện thoại Realme C20, màu xanh, Imei 1: 867977050698936, Imei 2: 867977050698928 cài sim thuê bao số 0878556655 đã sử dụng để liên lạc với N, toàn bộ dữ liệu cuộc gọi trong điện thoại L đã xóa trước khi bị triệu tập làm việc.

CQCSĐT CA huyện Lâm Thao đã thu giữ được chiếc máy tính, dây sạc pin, túi đựng máy tính tại cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại, máy vi tính của anh Lê Văn H. Anh H yêu cầu Nguyễn Văn L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) mà anh H đã trả khi mua máy tính của L. Ông Nguyễn Văn T (bố đẻ L) đã trả số tiền trên cho anh H.

CQCSĐT CA huyện Lâm Thao đã kiểm tra dữ liệu trong điện thoại do Lê Thị N và Nguyễn Văn L giao nộp, kết quả kiểm tra xác định trong điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 cài sim thuê bao là số 0383246182 và 0977829904 của N có lưu số và phát sinh nhiều cuộc gọi đi, đến với số thuê bao di động 0878556655 của Nguyễn Văn L. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Realme C20, màu xanh cài sim thuê bao số 0878556655 do L giao nộp có lưu số thuê bao 0383246182 và 0977829904 của Lê Thị N (lưu trên sim điện thoại).

CQCSĐT CA huyện Lâm Thao đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lâm Thao tiến hành định giá đối với số tài sản Nguyễn Văn L đã trộm cắp được của chị Đ. Tại kết luận định giá tài sản số 25/KL – ĐGTSTT ngày 07/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lâm Thao kết luận: *01 máy tính ASUS, màu trắng bạc, phía mặt sau có dán nhãn Model 7265NGW; Inter (R); Core (TM)i5 – [6200u.Cpu@2.3Ghz](#); 2.40 Ghz, trị giá thiệt hại 4.000.000 đ; 01 dây cắm điện màu đen, nhãn hiệu ASUS, đã qua sử dụng, trị giá thiệt hại 50.000 đ; 01 túi đựng máy tính bằng vải loại túi có 01 ngăn, có khóa séc, bên ngoài màu xanh, bên trong màu đen, đã qua sử dụng, trị giá thiệt hại 150.000 đ. Tổng trị giá thiệt hại 4.200.000 đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).*

Ngày 29/4/2021, CQCSĐT CA huyện Lâm Thao quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Vũ Thị Anh Đ số tài sản đã bị L, N trộm cắp ngày 05/4/2021.

Quá trình làm việc với CQĐT, ông T trình bày: nguồn gốc chiếc điện thoại Realme C20, màu xanh Nguyễn Văn L giao nộp cho CQĐT là do ông T đưa L tiền nhờ mua hộ vào ngày 06/4/2021, tối ngày 06/4/2021, L đưa ông T hóa đơn mua điện thoại và hỏi mượn điện thoại này của ông T để đi làm ăn xa, do điện thoại của L bị hỏng nên ông T đồng ý cho L mượn điện thoại, việc trộm cắp tài sản của L chỉ đến khi CQĐT triệu tập làm việc ông T mới biết. Ngày 10/5/2021, ông T đã giao nộp cho CQĐT CA huyện Lâm Thao hóa đơn mua hàng của chiếc điện thoại. Ngày 26/5/2021, CQCSĐT CA huyện Lâm Thao quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C20, màu xanh, Imei 1: 867977050698936, Imei 2: 867977050698928.

Về tài sản: Qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao, Nguyễn Văn L không có tài sản chung, riêng gì có giá trị.

Lê Thị N có tài sản riêng là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 Qualcomm Edition, màu xanh và tài sản đứng tên chủ sở hữu Lê Thị N cùng chồng Nguyễn Văn Đ bao gồm: Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 33, diện tích 794m² (gồm đất ở và đất vườn), 02 thửa đất rừng có diện tích 5425m² và 1216m², các thửa đất đều tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Lê Thị N hiện là nhân viên của công ty TNHH T Phú Thọ, địa chỉ tại khu 8, xã P, thị xã P, Phú Thọ, làm việc tại trạm dừng nghỉ cao tốc Nội Bài – Lào Cai thuộc khu 9, xã T, huyện L nhưng đã nghỉ việc tại công ty TNHH T (Theo biên bản thanh lý hợp đồng lao động ngày 15/6/2021).

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Vũ Thị Anh Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Lê Văn H đã nhận lại số tiền 4.000.000 đ, không yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo L phải trả số tiền 4.000.000 đ ông T đã trả cho anh H giúp L.

Cáo trạng số: 25/CT -VKSLT ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (Tức Nguyễn Văn P), Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L;

Xử phạt: Nguyễn Văn L từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2021.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị N.

Xử phạt: Lê Thị N 9 (Chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Lê Thị N cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị N.

Buộc bị cáo Lê Thị N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Lê Thị N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị N.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 Qualcomm Edition, màu xanh số IMEI1: 8863373050540894, số IMEI2: 8633733050540886 của Lê Thị N.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại số 0383246182 và 0977829904 đã qua sử dụng cài theo máy điện thoại của Lê Thị N và 01 sim thuê bao số 0878556655 của Nguyễn Văn L; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 5,9cm, rộng 04cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 4,9cm, rộng 03cm,

dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng là chìa khóa và ổ khóa cổng và cửa nhà trọ của Lê Thị N.

(Tình trạng vật chứng trên thể hiện như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L (Tức Nguyễn Văn P) và bị cáo Lê Thị N hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05/4/2021 tại phòng trọ của Lê Thị N thuộc khu 9, xã T, huyện L. Nguyễn Văn L và Lê Thị N đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu trắng bạc, phía mặt sau có dán nhãn Model 7265NGW; Inter (R); Core (TM)i5 – [6200u.Cpu@2.3Ghz](#); 2.40 Ghz; 01 dây cắm điện màu đen, nhãn hiệu ASUS; 01 túi đựng máy tính bằng vải loại túi có 01 ngăn, có khóa séc, bên ngoài màu xanh, bên trong màu đen của chị Vũ Thị Anh Đ, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 4.200.000 đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

[3] Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Mặc dù biết tài sản của người khác nhưng các bị cáo vẫn cố tình chiếm đoạt vì lợi ích của bản thân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, trước lần phạm tội này bị cáo đã có tiền án về tội hủy hoại tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại là chị Vũ Thị Anh Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Lê Thị N: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi của mình; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo Lê Thị N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,r,s khoản 1 và khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị N.

Buộc bị cáo Lê Thị N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Lê Thị N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo Lê Thị N: Ngoài tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 195 tờ bản đồ số 33, diện tích 794m² (gồm đất ở và đất vườn), 02 thửa đất rừng có diện tích 5425m² và 1216m², các thửa đất đều tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái mà bị cáo và chồng đứng tên, là tài sản duy nhất để đảm bảo cho cuộc sống gia đình bị cáo, bị cáo không có tài sản riêng gì ngoài chiếc điện thoại đã bị thu giữ. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị N là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Anh Đ đã nhận đủ tài sản đã bị trộm cắp và cam kết không thất mắc hay khiếu nại gì nên không đề cập giải quyết.

Đối với anh Lê Văn H là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa máy tính, khi mua chiếc máy tính đó anh không biết là tài sản trộm cắp. Anh H yêu cầu Nguyễn Văn L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) mà anh H đã trả khi mua máy tính của L. Ông Nguyễn Văn T (bố đẻ L) đã trả số tiền trên cho anh H. Anh H không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn T (là bố đẻ L) đã thay L trả số tiền trên cho Lê Văn H. Tại phiên tòa ông không yêu cầu Nguyễn Văn L phải trả lại cho ông khoản tiền đó nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu trắng bạc, phía mặt sau có dán nhãn Model 7265NGW; Inter (R); Core (TM)i5 – [6200u.Cpu@2.3Ghz](#); 2.40 Ghz; 01 dây cắm điện màu đen, nhãn hiệu ASUS; 01 túi đựng máy tính bằng vải loại túi có 01 ngăn, có khóa séc, bên ngoài màu

xanh, bên trong màu đen là tài sản của chị Đ cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đ theo quy định nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C20, màu xanh, Imei 1: 867977050698936, Imei 2: 867977050698928 là của ông Nguyễn Văn T mà Nguyễn Văn L đã mượn khi Nguyễn Văn L thực hiện hành vi phạm tội ông Nguyễn Văn T không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn T là phù hợp nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 Qualcomm Edition, màu xanh số IMEI1: 8863373050540894, số IMEI2: 8633733050540886 của Lê Thị N. Bị cáo đã dùng chiếc điện thoại này để liên hệ với Nguyễn Văn L thực hiện hành vi trộm cắp nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với 02 sim điện thoại số 0383246182 và 0977829904 đã qua sử dụng cài theo máy điện thoại của Lê Thị N và 01 sim thuê bao số 0878556655 của Nguyễn Văn L mà các bị cáo đã sử dụng để liên lạc với nhau đồng thời cũng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 5,9cm, rộng 04cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 4,9cm, rộng 03cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng là chìa khóa và ổ khóa cổng và cửa nhà trọ của Lê Thị N có giá trị không lớn, tại phiên tòa bị cáo Lê Thị N không đề nghị được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị N.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Lê Thị N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Lê Thị N cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thị N.

Buộc bị cáo Lê Thị N phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Lê Thị N phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị N.

[2] Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 Qualcomm Edition, màu xanh số IMEI1: 8863373050540894, số IMEI2: 8633733050540886 của Lê Thị N.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại số 0383246182 và 0977829904 đã qua sử dụng cài theo máy điện thoại của Lê Thị N và 01 sim thuê bao số 0878556655 của Nguyễn Văn L; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 5,9cm, rộng 04cm, dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng; 01 ổ khóa treo bằng kim loại, sơn màu vàng, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước cao 4,9cm, rộng 03cm,

dày 1,5 cm, kèm theo 01 chìa mở khóa bằng kim loại màu bạc đã qua sử dụng là chìa khóa và ổ khóa cổng và cửa nhà trọ của Lê Thị N.

(Tình trạng vật chứng trên thể hiện như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thị N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Các bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã P, huyện P;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

